

Số: 61 /TB-BCĐ

Việt An, ngày 17 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai danh sách cơ sở chăn nuôi có lợn chết, tiêu hủy bắt buộc do mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi năm 2025 đề nghị hỗ trợ kinh phí

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định về mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Việt An về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật trên địa bàn xã Việt An;

Căn cứ Công văn số 668/UBND-SNNMT ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc triển khai thực hiện Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Theo Báo cáo số 59/BC-TTĐ ngày 16 tháng 8 năm 2026 của Tổ thẩm định xã Việt An về kết quả thẩm định hồ sơ hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật trên địa bàn xã Việt An.

Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật xã Việt An thông báo nội dung niêm yết công khai danh sách cơ sở chăn nuôi đề nghị hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi năm 2025 như sau:

1. Nội dung và tài liệu niêm yết công khai.

Niêm yết công khai danh sách cơ sở chăn nuôi, hộ gia đình có lợn chết, tiêu hủy bắt buộc do mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi từ ngày 22/7/2025 đến ngày 31/12/2025 trên địa bàn xã Việt An đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định.

(Chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm Thông báo này).

2. Địa điểm niêm yết công khai

- Tại Bảng thông tin công khai Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Việt An;
- Tại Nhà văn hóa của 14 thôn có cơ sở chăn nuôi bị thiệt hại tiêu hủy lợn trên địa bàn xã.

3. Thời gian niêm yết công khai

Thời gian niêm yết công khai là 05 ngày làm việc, kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2026 đến hết ngày 21 tháng 8 năm 2026.

4. Trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và tiếp nhận phản hồi kiến nghị

- Đề nghị Trưởng thôn các thôn thông báo rộng rãi đến người dân; đề nghị các chủ hộ, cơ sở chăn nuôi có tên trong danh sách trực tiếp theo dõi, kiểm tra và đối chiếu các thông tin (họ và tên chủ hộ, thôn cư trú, số lượng, loại lợn, trọng lượng tiêu hủy và kinh phí đề nghị hỗ trợ).

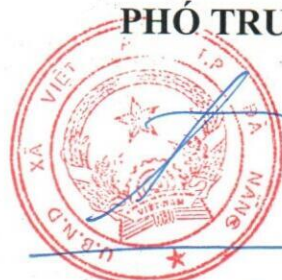
- Trường hợp phát hiện có sai sót, nhầm lẫn hoặc có kiến nghị, thắc mắc, đề nghị phản ánh kịp thời bằng văn bản gửi về Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật xã (qua Phòng Kinh tế xã - Cơ quan thường trực) để kiểm tra, xác minh và xử lý theo quy định.

- Hết thời hạn niêm yết công khai nêu trên (hết ngày 21/8/2026), nếu không có khiếu nại, phản ánh hoặc các ý kiến kiến nghị đã được giải quyết thỏa đáng, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật xã sẽ hoàn thiện hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ kinh phí theo đúng thẩm quyền. Mọi khiếu nại, khiếu kiện phát sinh sau thời hạn trên sẽ không được tiếp nhận giải quyết. /

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐND, UBND xã (b/c);
- UBMTTQVN xã;
- Hội Nông dân xã (p/h);
- Phòng Kinh tế xã (th/hiện);
- VP HĐND&UBND xã;
- Trung tâm CƯĐVSNC xã (thông báo);
- Trưởng 14 thôn (niêm yết, thông báo);
- Lưu: VT, BCĐ.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Hồ Thanh Phương**

BẢNG CHI TIẾT SỐ LIỆU LỢN TIÊU HỦY DO MÁC BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Thông báo số: 1/BC-BCD ngày 17/8/2026 của BCD PCDB động vật xã Việt An)



ST T	Thông tin chủ hộ	Ngày phát hiện bệnh	Ngày tiêu hủy	Tổng chết, hủy	Lợn thịt chết, hủy	Lợn đực giống chết, hủy	Lợn nái chết, hủy	Lợn sữa chết, hủy	Tổng đàn nuôi	Tổng KL tiêu hủy (kg)	Khối lượng lợn thịt hủy	Khối lượng lợn đực giống hủy	Khối lượng lợn nái hủy	Khối lượng lợn sữa hủy	Thôn
	Tổng cộng			1.304	1.062	2	173	67	2.673	74.775,2	49.465,3	360,0	24.802,0	147,9	
1	Trần Thị Liên	20/7/2025	22/7/2025	9	9				20	585	585,0				An Cường
2	Dặng Văn Thi	22/7/2025	25/7/2025	8		1	7		11	865		143	722		Thăng Phước
3	Nguyễn Ngọc Hiệu	25/7/2025	27/7/2025	1			1		3	151			151		Thăng Phước
4	Trần Thị Cúc	25/7/2025	27/7/2025	1			1		2	87			87		An Tráng
5	Trần Thị Cúc	25/7/2025	28/7/2025	1			1		1	123			123		An Tráng
6	Trần Thị Yên	7/26/2025	29/7/2025	41	40		1		41	2835	2.672,0		163		Lộc An
7	Trần Trước	7/26/2025	29/7/2025	10	10				10	877	877,0				Lộc An
8	Nguyễn Thị Phát	7/27/2025	30/7/2025	48	48				48	2946	2.946,0				An Tráng
9	Nguyễn Mậu Nhị	7/27/2025	30/7/2025	1			1		3	137			137		Phú Cốc
10	Nguyễn Thị Hòa Thủy	7/28/2025	31/7/2025	2	1		1		3	148	67,0		81		An Sơn
11	Lê Thị Hồng Phượng	7/28/2025	31/7/2025	2			2		3	251			251		Việt An
12	Nguyễn Thị Ngọc Viên	7/31/2025	1/8/2025	5	5				5	279	279,0				Phú Cốc
13	Phan Thắng	7/28/2025	1/8/2025	1			1		1	136			136		Việt An
14	Hoàng Lê	7/27/2025	1/8/2025	1	1				11	6	6,0				An Tráng
15	Hồng Quang Châu	7/30/2025	1/8/2025	1	1				2	65	65,0				An Sơn
16	Trần Thị Liên	30/7/2025	1/8/2025	11	11				11	135	135,0				An Cường
17	Nguyễn Ngọc Hiệu	29/7/2025	2/8/2025	2			2		2	262			262		Thăng Phước
18	Hoàng Lê	7/27/2025	2/8/2025	9	9				9	53	53,0				An Tráng

ST T	Thông tin chủ hộ	Ngày phát hiện bệnh	Ngày tiêu hủy	Tổng chết, hủy	Lợn thịt chết, hủy	Lợn đực giống chết, hủy	Lợn nái chết, hủy	Lợn sữa chết, hủy	Tổng đàn nuôi	Tổng KL tiêu hủy (kg)	Khối lượng Lợn thịt hủy	Khối lượng Lợn đực giống hủy	Khối lượng Lợn nái hủy	Khối lượng Lợn sữa hủy	Thôn
19	Hoàng Thị Thi	7/27/2025	2/8/2025	14	14				14	107	107,0				An Tráng
20	Nguyễn Thị Hương	29/7/2025	3/8/2025	2	2				37	146	146,0				Phù Bình
21	Nguyễn Tấn Sinh	8/1/2025	4/8/2025	2			2		9	101			101		Việt An
22	Nguyễn Lâm	8/2/2025	4/8/2025	1			1		2	149			149		Việt An
23	Trần Thị Lan	30/7/2025	4/8/2025	25	25				45	1573	1.573,0				Lộc An
24	Trinh Thị Tư	7/27/2025	4/8/2025	2	2				2	50	50,0				Lộc An
25	Dương Thị Tuyết	8/3/2025	5/8/2025	2	2				2	106	106,0				Lộc An
26	Trần Anh Tuấn	8/1/2025	5/8/2025	12	12				45	784	784,0				Lộc An
27	Nguyễn Xuân Hải	8/4/2025	6/8/2025	9	8		1		20	171	86,0		85		Lộc An
28	Trần Văn Ba	8/2/2025	6/8/2025	20	19		1		20	970	838,0		132		Lộc An
29	Đặng Văn Thi	8/3/2025	7/8/2025	3	3				3	45	45,0				Thăng Phước
30	Hồng Quang Châu	8/5/2025	8/8/2025	1	1				1	82	82,0				An Sơn
31	Phạm Ngọc Duyên	8/6/2025	8/8/2025	19	19				45	838	838,0				Ngọc Chánh
32	Lê Văn Thông	8/6/2025	9/8/2025	21	21				21	399	399,0				Lộc An
33	Trần Anh Tuấn	8/6/2025	9/8/2025	12	12				33	638	638,0				Lộc An
34	Nguyễn Văn Thông	8/6/2025	9/8/2025	18	18				49	790	648,0		142		Lộc An
35	Lê Thị Hồng Phượng	8/6/2025	9/8/2025	1	1				1	82	82,0				Việt An
36	Nguyễn Thị Hương	8/4/2025	9/8/2025	8	8				35	633	633,0				Phù Bình
37	Phạm Tâm	8/6/2025	9/8/2025	1			1		1	151			151		Phù Cốc
38	Trần Đình Ý	8/6/2025	10/8/2025	12	12				22	804	804,0				An Cường
39	Nguyễn Văn Chiến	8/6/2025	10/8/2025	3			3		13	464			464		Lộc An
40	Nguyễn Văn Hương	8/6/2025	10/8/2025	12	12				27	861	861,0				Phù Cốc
41	Nguyễn Yên	8/6/2025	10/8/2025	9	9				38	579	579,0				An Sơn
42	Trần Thị Lan	8/6/2025	11/8/2025	25	25				25	1344	1.344,0				Lộc An
43	Nguyễn Văn Thông	8/9/2025	11/8/2025	5			5		31	832			832		Lộc An

ST T	Thông tin chủ hộ	Ngày phát hiện bệnh	Ngày tiêu hủy	Tổng chết, hủy	Lợn thịt chết, hủy	Lợn đực giống chết, hủy	Lợn nái chết, hủy	Lợn sữa chết, hủy	Tổng dàn nuôi	Tổng KL tiêu hủy (kg)	Khối lượng Lợn thịt hủy	Khối lượng Lợn đực giống hủy	Khối lượng Lợn nái hủy	Khối lượng Lợn sữa hủy	Thôn
44	Nguyễn Thị Tân	8/9/2025	12/8/2025	15	14		1		15	574	410,0		164		An Tráng
45	Nguyễn Văn Lộc	8/9/2025	12/8/2025	4			4		27	450			450		Ngọc Chánh
46	Trần Anh Tuấn	8/9/2025	13/8/2025	21	19		2		21	1680	1.389,0		291		Lộc An
47	Nguyễn Văn Chín	8/12/2025	14/8/2025	1	1				10	35	35,0				Ngọc Chánh
48	Nguyễn Thị Nhân	8/9/2025	15/8/2025	10	10				10	702	702,0				Thăng Phước
49	Nguyễn Lâm	8/12/2025	15/8/2025	1			1		1	127			127		Việt An
50	Trần Văn Danh	8/14/2025	16/8/2025	18	15		3		18	1026	689,0		337		Ngọc Chánh
51	Nguyễn Thị Hồng	8/12/2025	16/8/2025	2			2		2	264			264		Phú Cốc
52	Nguyễn Văn Chín	8/15/2025	17/8/2025	9	9				9	434	434,0				Ngọc Chánh
53	Trần Văn Phong	8/14/2025	17/8/2025	3			3		3	321			321		An Sơn
54	Huỳnh Ngọc Khanh	8/15/2025	18/8/2025	9	9				41	706	706,0				An Tráng
55	Hồ Văn Dũng	8/15/2025	18/8/2025	51	32		7	12	51	2320	1.116,3		1.153	51	Bình Sơn
56	Trần Thị Thanh	8/17/2025	20/8/2025	41	41				45	2221	2.221,0				Lộc An
57	Trần Đình Ý	8/16/2025	21/8/2025	10	10				10	413	413,0				An Cường
58	Hồ Ngọc Quốc	8/21/2025	23,24/8/202	47	47				47	1158	1.158,0				Bình Sơn
59	Lê Văn Thanh	8/24/2025	26/8/2025	1			1		33	107			107		An Sơn
60	Nguyễn Xuân Văn	8/25/2025	27/8/2025	1	1				8	41	41,0				An Cường
61	Dù Văn Năm	8/26/2025	28/8/2025	1			1		14	138			138		Thăng Phước
62	Lê Văn Thanh	8/27/2025	29/8/2025	1			1		32	45			45		An Sơn
63	Lê Mực	8/25/2025	29/8/2025	1			1		11	98			98		An Sơn
64	Trần Văn Mạnh	8/27/2025	30/8/2025	2	2				4	93	93,0				An Sơn
65	Hồ Phước Thanh	8/30/2025	1/9/2025	3	2		1		3	208	126,0		82		Phú Cốc
66	Lê Mực	9/1/2025	3/9/2025	1	1				10	52	52,0				An Sơn
67	Lý Thị Suong	9/2/2025	4/9/2025	2			2		40	286			286		Thăng Phước
68	Nguyễn Văn Quý	9/1/2025	4/9/2025	1			1		20	150			150		An Tráng

ST T	Thông tin chủ hộ	Ngày phát hiện bệnh	Ngày tiêu hủy	Tổng chết, hủy	Lợn thịt chết, hủy	Lợn đực giống chết, hủy	Lợn nái chết, hủy	Lợn sữa chết, hủy	Tổng đàn nuôi	Tổng KL tiêu hủy (kg)	Khối lượng Lợn thịt hủy	Khối lượng Lợn đực giống hủy	Khối lượng Lợn nái hủy	Khối lượng Lợn sữa hủy	Thôn
69	Nguyễn Thị Liên	9/1/2025	4/9/2025	11	11				40	651	651,0				Ngọc Chánh
70	Huỳnh Tinh	9/3/2025	6/9/2025	2			2		5	290			290		Hội Tường
71	Nguyễn Văn Lào	9/3/2025	6/9/2025	1			1		14	143			143		Mỹ Thành
72	Hồ Thị Lộc	9/3/2025	7/9/2025	3	1		2		5	294	23,0		271		Phú Bình
73	Nguyễn Văn Quý	9/6/2025	8/9/2025	3	1		2		19	413	109,0		304		An Tráng
74	Trương Văn Phụng	9/7/2025	9/9/2025	1			1		48	136			136		Ngọc Chánh
75	Nguyễn Viết Sơn	9/8/2025	10/9/2025	14	14				45	870	870,0				Bình Sơn
76	Phạm Ngọc Duyên	9/7/2025	11/9/2025	4	4				26	164	164,0				Ngọc Chánh
77	Hồ Văn Cẩm	9/8/2025	11/9/2025	2			2		2	350			350		Bình Sơn
78	Hồ Văn Sáu	9/8/2025	11/9/2025	4	3		1		4	390	225,0		165		Bình Sơn
79	Trương Văn Phụng	9/9/2025	12/9/2025	11	9		2		47	769	475,0		294		Ngọc Chánh
80	Huỳnh Tinh	9/11/2025	14/9/2025	1	1				3	78	78,0				Hội Tường
81	Lý Thị Sương	9/13/2025	15/9/2025	17	16		1		17	479	316,0		163		Thăng Phước
82	Nguyễn Viết Sơn	9/13/2025	16/9/2025	35	35				35	906	906,0				Bình Sơn
83	Trương Thị Liễu	9/16/2025	19/9/2025	1			1		1	143			143		Hội Tường
84	Hồ Ngọc Đạt	9/18/2025	20/9/2025	13	13				13	775	775,0				Bình Sơn
85	Trần Văn Năm	9/19/2025	22/9/2025	1			1		5	132			132		An Cường
86	Dương Thị Kim Thôi	9/23/2025	25/9/2025	1			1		1	127			127		Lộc An
87	Trần Văn Năm	9/24/2025	26/9/2025	1			1		4	72			72		An Cường
88	Trần Văn Giang	9/25/2025	27/9/2025	2	1		1		45	137	61,0		76		Việt An
89	Nguyễn Văn Hùng	9/25/2025	29/9/2025	2			2		27	294			294		Phú Cốc
90	Nguyễn Thị Dàng	9/27/2025	30/9/2025	1			1		2	138			138		Phú Cốc
91	Trần Văn Khương	30/9/2025	2/10/2025	11	10		1		11	197	96		101		Sơn An
92	Trần Văn Năm	30/9/2025	2/10/2025	3	2		1		3	272	119		153		An Cường
93	Dương Tấn Khôi	1/10/2025	3/10/2025	5	5				5	238	238				Lộc An

ST T	Thông tin chủ hộ	Ngày phát hiện bệnh	Ngày tiêu hủy	Tổng chết, hủy	Lợn thịt chết, hủy	Lợn đực giống chết, hủy	Lợn nái chết, hủy	Lợn sữa chết, hủy	Tổng đàn nuôi	Tổng KL tiêu hủy (kg)	Khối lượng Lợn thịt hủy	Khối lượng Lợn đực giống hủy	Khối lượng Lợn nái hủy	Khối lượng Lợn sữa hủy	Thôn
94	Huỳnh Ngọc Khanh	1/10/2025	3/10/2025	5	5				14	341	341				An Tráng
95	Lê Thị Ba	30/9/2025	4/10/2025	15			1	14	15	196			165	31	Lộc An
96	Nguyễn Văn Thới	2/10/2025	5/10/2025	13	13				24	643	643				Lộc An
97	Trần Văn Mạnh	3/10/2025	6/10/2025	1			1		4	134			134		Mỹ Thành
98	Nguyễn Văn Hùng	2/10/2025	7/10/2025	4			4		52	502			502		Phú Cốc
99	Nguyễn Thị Thúy	5/10/2025	8/10/2025	14	14				14	869	869,0				Việt An
100	Ngô Lành	6/10/2025	8/10/2025	1			1		1	126			126		Lộc An
101	Hồ Thị Thành	6/10/2025	9/10/2025	2			2		4	301			301		Việt An
102	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	6/10/2025	10/10/2025	4			2	2	4	298			291	7	Phú Cốc
103	Nguyễn Văn Thới	5/10/2025	10/10/2025	11	11				11	561	561				Lộc An
104	Trình Ký Dân	7/10/2025	11/10/2025	1			1		21	142			142		Việt An
105	Phạm Văn Minh	9/10/2025	12/10/2025	2			2		18	271			271		Hội Tường
106	PhạmThị Lụa	9/10/2025	13/10/2025	2			2		27	285			285		Việt An
107	Ngô Cam	8/10/2025	13/10/2025	13	12		1		28	965	792		173		Ngọc Chánh
108	Nguyễn Thị Ngọc	12/10/2025	14/10/2025	12	8		4		12	1142	369		773		Ngọc Chánh
109	Phạm Thị Mươi	10/10/2025	14/10/2025	33	33				48	1599	1599				Ngọc Chánh
110	Trình Lanh	10/10/2025	15/10/2025	24	17	1	6		44	2258	1105	217	936		Việt An
111	Nguyễn Văn Rằm	8/10/2025	15/10/2025	35	30		5		35	2415	1680		735		Phú Bình
112	Huỳnh Sơn	13/10/2025	16/10/2025	5	4		1		37	362	163		199		Phú Cốc
113	Tôn Thị Thu	14/10/2025	16/10/2025	1			1		4	124			124		An Sơn
114	Nguyễn Đình Tiến	7/10/2025	17/10/2025	1			1		8	117			117		Việt An
115	Trần Kông Thắng	13/10/2025	17/10/2025	1			1		15	142			142		Mỹ Thành
116	Ngô Văn Lào	14/10/2025	18/10/2025	17	14		3		17	817	490		327		Lộc An
117	Nguyễn Thị Một	12/10/2025	18/10/2025	4			4		15	549			549		Việt An
118	Huỳnh Thị Nhàn	13/10/2025	18/10/2025	2			2		2	235			235		Phú Cốc

ST T	Thông tin chủ hộ	Ngày phát hiện bệnh	Ngày tiêu hủy	Tổng chết, hủy	Lợn thịt chết, hủy	Lợn đực giống chết, hủy	Lợn nái chết, hủy	Lợn sữa chết, hủy	Tổng đàn nuôi	Tổng KL tiêu hủy (kg)	Khối lượng Lợn thịt hủy	Khối lượng Lợn đực giống hủy	Khối lượng Lợn nái hủy	Khối lượng Lợn sữa hủy	Thôn
119	Nguyễn Thị Liên	15/10/2025	19/10/2025	8	8				8	483			483		Ngọc Chánh
120	Ngô Cam	15/10/2025	19/10/2025	1			1		15	162			162		Ngọc Chánh
121	Huỳnh Thị Hương	17/10/2025	20/10/2025	29	29				41	1703	1703				An Tráng
122	Huỳnh Sơn	16/10/2025	21/10/2025	23	21		2		23	1064	363		701		Phú Cốc
123	Nguyễn Đình Tiến	17/10/2025	21/10/2025	7	7				7	192	192				Việt An
124	Trần Mùi	17/10/2025	22/10/2025	3			3		23	510			510		Hội Tường
125	Tô Văn Hiến	15/10/2025	23/10/2025	12			2	10	12	282			266	16	An Tráng
126	Nguyễn Thị Quý	20/10/2025	23/10/2025	1	1				19	109	109				An Sơn
127	Trương Văn Nhân	19/10/2025	24/10/2025	2			2		5	243			243		Ngọc Chánh
128	Trương Văn Đào	18/10/2025	24/10/2025	1			1		46	143			143		Ngọc Chánh
129	Huỳnh Đức Đò	19/10/2025	24/10/2025	1			1		3	102			102		Hội Tường
130	Lê Văn Xuân	20/10/2025	25/10/2025	1			1		14	154			154		Lộc An
131	Ngô Cam	19/10/2025	25/10/2025	1			1		14	173			173		Ngọc Chánh
132	Lê Văn Tây	20/10/2025	26/10/2025	8			1	7	11	105			94	11	Phú Mỹ
133	Tạ Đình C6	21/10/2025	26/10/2025	2	2				2	86	86				Phú Mỹ
134	Đoàn Nhi	21/10/2025	26/10/2025	7			1	6	12	137			121	16	Phú Cốc
135	Đoàn Nhi	26/10/2025	28/10/2025	6	6				7	46	46				Phú Cốc
136	Đặng Ba	24/10/2025	28/10/2025	1			1		1	152			152		Phú Cốc
137	Huỳnh Quang Nhung	26/10/2025	29/10/2025	16	15		1		33	982	786		196		An Tráng
138	Trần Ngọc Dầu	26/10/2025	29/10/2025	1			1		15	97			97		Lộc An
139	Trần Ngọc Diệu	27/10/2025	30/10/2025	25	23		2		25	1283	858		425		Lộc An
140	Trần Văn Nhận	27/10/2025	30/10/2025	2			2		2	316			316		An Sơn
141	Huỳnh Đức Đò	28/10/2025	1/11/2025	1			1		2	119			119		Hội Tường
142	Đặng Ba	29/10/2025	2/11/2025	18	1		1	16	18	195	36		143	16	Phú Cốc
143	Nguyễn Viết Hồng	1/11/2025	4/11/2025	40	35		5		40	2679	1869		810		Bình Sơn

ST T	Thông tin chủ hộ	Ngày phát hiện bệnh	Ngày tiêu hủy	Tổng chết, hủy	Lợn thịt chết, hủy	Lợn đực giống chết, hủy	Lợn nái chết, hủy	Lợn sữa chết, hủy	Tổng đàn nuôi	Tổng KL tiêu hủy (kg)	Khối lượng Lợn thịt hủy	Khối lượng Lợn đực giống hủy	Khối lượng Lợn nái hủy	Khối lượng Lợn sữa hủy	Thôn
144	Huỳnh Văn Hòa	1/11/2025	5/11/2025	20	18		2		20	316	172		144		Việt An
145	Phạm Thị Hiền	1/11/2025	6/11/2025	13	8		5		22	1108	392		716		Mỹ Thành
146	Phạm Thị Hiền	6/11/2025	9/11/2025	2	1		1		9	203	57		146		Mỹ Thành
147	Nguyễn Mậu Quế	6/11/2025	9/11/2025	1			1		6	92			92		Phú Cốc
148	Trương Văn Đào	7/11/2025	11/11/2025	2	2				41	103	103				Ngọc Chánh
149	Trương Văn Đào	14/11/2025	17/11/2025	3	2		1		39	159	83		76		Ngọc Chánh
150	Nguyễn Thị Quý	12/11/2025	17/11/2025	17	17				18	673	673				An Sơn
151	Phạm Thị Hiền	15/11/2025	20/11/2025	7	6		1		7	463	306		157		Mỹ Thành

DANH SÁCH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ TIÊU HỦY ĐO MẮC BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 61/BC-BCĐ ngày 17/8/2026 của BCĐ PCDB động vật xã Việt An)

STT	Họ và tên	Tên thôn	số lượng	Trọng lượng	Định mức	Kinh phí	Ký nhận
1	Trần Thị Liên	An Cường	9	585	38.000	22.230.000	
2	Đặng Văn Thi	Thăng Phước	8	865	40.000	34.600.000	
3	Nguyễn Ngọc Hiệu	Thăng Phước	1	151	40.000	6.040.000	
4	Trần Thị Cúc	An Tráng	1	87	40.000	3.480.000	
5	Trần Thị Cúc	An Tráng	1	123	40.000	4.920.000	
6	Trần Thị Yên	Lộc An	41	2.835	40.000	113.400.000	
7	Trần Trước	Lộc An	10	877	40.000	35.080.000	
8	Nguyễn Thị Phát	An Tráng	48	2.946	40.000	117.840.000	
9	Nguyễn Mậu Nhị	Phú Cốc	1	137	40.000	5.480.000	
10	Nguyễn Thị Hòa Thủy	An Sơn	2	148	40.000	5.920.000	
11	Lê Thị Hồng Phượng	Việt An	2	251	40.000	10.040.000	
12	Nguyễn Thị Ngọc	Phú Cốc	5	279	40.000	11.160.000	
13	Phan Thắng	Việt An	1	136	40.000	5.440.000	
14	Hoàng Lê	An Tráng	1	6	40.000	240.000	
15	Hồng Quang Châu	An Sơn	1	65	40.000	2.600.000	
16	Trần Thị Liên	An Cường	11	135	40.000	5.400.000	
17	Nguyễn Ngọc Hiệu	Thăng Phước	2	262	40.000	10.480.000	
18	Hoàng Lê	An Tráng	9	53	40.000	2.120.000	
19	Hoàng Thị Thi	An Tráng	14	107	40.000	4.280.000	
20	Nguyễn Thị Hương	Phú Bình	2	146	40.000	5.840.000	
21	Nguyễn Tân Sinh	Việt An	2	101	40.000	4.040.000	
22	Nguyễn Lâm	Việt An	1	149	40.000	5.960.000	
23	Trần Thị Lan	Lộc An	25	1.573	40.000	62.920.000	
24	Trịnh Thị Tư	Lộc An	2	50	40.000	2.000.000	
25	Dương Thị Tuyết	Lộc An	2	106	40.000	4.240.000	
26	Trần Anh Tuấn	Lộc An	12	784	40.000	31.360.000	
27	Nguyễn Xuân Hải	Lộc An	9	171	40.000	6.840.000	
28	Trần Văn Ba	Lộc An	20	970	40.000	38.800.000	
29	Đặng Văn Thi	Thăng Phước	3	45	40.000	1.800.000	
30	Hồng Quang Châu	An Sơn	1	82	40.000	3.280.000	
31	Phạm Ngọc Duyên	Ngọc Chánh	19	838	40.000	33.520.000	
32	Lê Văn Thông	Lộc An	21	399	40.000	15.960.000	
33	Trần Anh Tuấn	Lộc An	12	638	40.000	25.520.000	
34	Nguyễn Văn Thông	Lộc An	18	790	40.000	31.600.000	
35	Lê Thị Hồng Phượng	Việt An	1	82	40.000	3.280.000	
36	Nguyễn Thị Hương	Phú Bình	8	633	40.000	25.320.000	
37	Phạm Tám	Phú Cốc	1	151	40.000	6.040.000	
38	Trần Đình Ý	An Cường	12	804	40.000	32.160.000	

39	Nguyễn Văn Chiến	Lộc An	3	464	40.000	18.560.000
40	Nguyễn Văn Hương	Phú Cốc	12	861	40.000	34.440.000
41	Nguyễn Yên	An Sơn	9	579	40.000	23.160.000
42	Trần Thị Lan	Lộc An	25	1.344	40.000	53.760.000
43	Nguyễn Văn Thông	Lộc An	5	832	40.000	33.280.000
44	Nguyễn Thị Tân	An Tráng	15	574	40.000	22.960.000
45	Nguyễn Văn Lộc	Ngọc Chánh	4	450	40.000	18.000.000
46	Trần Anh Tuấn	Lộc An	21	1.680	40.000	67.200.000
47	Nguyễn Văn Chín	Ngọc Chánh	1	35	40.000	1.400.000
48	Nguyễn Thị Nhân	Thăng Phước	10	702	40.000	28.080.000
49	Nguyễn Lâm	Việt An	1	127	40.000	5.080.000
50	Trần Văn Danh	Ngọc Chánh	18	1.026	40.000	41.040.000
51	Nguyễn Thị Hồng	Phú Cốc	2	264	40.000	10.560.000
52	Nguyễn Văn Chín	Ngọc Chánh	9	434	40.000	17.360.000
53	Trần Văn Phong	An Sơn	3	321	40.000	12.840.000
54	Huỳnh Ngọc Khanh	An Tráng	9	706	40.000	28.240.000
55	Hồ Văn Dũng	Bình Sơn	51	2.320,2	40.000	92.808.000
56	Trần Thị Thanh	Lộc An	41	2.221	40.000	88.840.000
57	Trần Đình Ý	An Cường	10	413	40.000	16.520.000
58	Hồ Ngọc Quốc	Bình Sơn	47	1.158	40.000	46.320.000
59	Lê Văn Thanh	An Sơn	1	107	40.000	4.280.000
60	Nguyễn Xuân Văn	An Cường	1	41	40.000	1.640.000
61	Dũ Văn Năm	Thăng Phước	1	138	40.000	5.520.000
62	Lê Văn Thanh	An Sơn	1	45	40.000	1.800.000
63	Lê Mục	An Sơn	1	98	40.000	3.920.000
64	Trần Văn Mạnh	An Sơn	2	93	40.000	3.720.000
65	Hồ Phước Thanh	Phú Cốc	3	208	40.000	8.320.000
66	Lê Mục	An Sơn	1	52	40.000	2.080.000
67	Lý Thị Sương	Thăng Phước	2	286	40.000	11.440.000
68	Nguyễn Văn Quý	An Tráng	1	150	40.000	6.000.000
69	Nguyễn Thị Liên	Ngọc Chánh	11	651	40.000	26.040.000
70	Huỳnh Tịnh	Hội Tường	2	290	40.000	11.600.000
71	Nguyễn Văn Lào	Mỹ Thạnh	1	143	40.000	5.720.000
72	Hồ Thị Lộc	Phú Bình	3	294	40.000	11.760.000
73	Nguyễn Văn Quý	An Tráng	3	413	40.000	16.520.000
74	Trương Văn Phụng	Ngọc Chánh	1	136	40.000	5.440.000
75	Nguyễn Viết Sơn	Bình Sơn	14	870	40.000	34.800.000
76	Phạm Ngọc Duyên	Ngọc Chánh	4	164	40.000	6.560.000
77	Hồ Văn Cẩm	Bình Sơn	2	350	40.000	14.000.000
78	Hồ Văn Sáu	Bình Sơn	4	390	40.000	15.600.000
79	Trương Văn Phụng	Ngọc Chánh	11	769	40.000	30.760.000
80	Huỳnh Tịnh	Hội Tường	1	78	40.000	3.120.000
81	Lý Thị Sương	Thăng Phước	17	479	40.000	19.160.000
82	Nguyễn Viết Sơn	Bình Sơn	35	906	40.000	36.240.000
83	Trương Thị Liễu	Hội Tường	1	143	40.000	5.720.000
84	Hồ Ngọc Đạt	Bình Sơn	13	775	40.000	31.000.000
85	Trần Văn Năm	An Cường	1	132	40.000	5.280.000
86	Dương Thị Kim Thôi	Lộc An	1	127	40.000	5.080.000
87	Trần Văn Năm	An Cường	1	72	40.000	2.880.000
88	Trần Văn Giang	Việt An	2	137	40.000	5.480.000

89	Nguyễn Văn Hùng	Phú Cốc	2	294	40.000	11.760.000	
90	Nguyễn Thị Đáng	Phú Cốc	1	138	40.000	5.520.000	
91	Trần Văn Khương	Sơn An	11	197	40.000	7.880.000	
92	Trần Văn Năm	An Cường	3	272	40.000	10.880.000	
93	Dương Tấn Khởi	Lộc An	5	238	40.000	9.520.000	
94	Huỳnh Ngọc Khanh	An Tráng	5	341	40.000	13.640.000	
95	Lê Thị Ba	Lộc An	15	196	40.000	7.840.000	
96	Nguyễn Văn Thới	Lộc An	13	643	40.000	25.720.000	
97	Trần Văn Mạnh	Mỹ Thạnh	1	134	40.000	5.360.000	
98	Nguyễn Văn Hùng	Phú Cốc	4	502	40.000	20.080.000	
99	Nguyễn Thị Thúy	Việt An	14	869	40.000	34.760.000	
100	Ngô Lân	Lộc An	1	126	40.000	5.040.000	
101	Hồ Thị Thành	Việt An	2	301	40.000	12.040.000	
102	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Phú Cốc	4	298	40.000	11.920.000	
103	Nguyễn Văn Thới	Lộc An	11	561	40.000	22.440.000	
104	Trịnh Ký Đan	Việt An	1	142	40.000	5.680.000	
105	Phạm Văn Minh	Hội Tường	2	271	40.000	10.840.000	
106	Phạm Thị Lua	Việt An	2	285	40.000	11.400.000	
107	Ngô Cam	Ngọc Chánh	13	965	40.000	38.600.000	
108	Nguyễn Thị Ngọc	Ngọc Chánh	12	1.142	40.000	45.680.000	
109	Phạm Thị Mươi	Ngọc Chánh	33	1.599	40.000	63.960.000	
110	Trịnh Lanh	Việt An	24	2.258	40.000	90.320.000	
111	Nguyễn Văn Rằm	Phú Bình	35	2.415	40.000	96.600.000	
112	Huỳnh Sơn	Phú Cốc	5	362	40.000	14.480.000	
113	Tôn Thị Thu	An Sơn	1	124	40.000	4.960.000	
114	Nguyễn Đình Tiến	Việt An	1	117	40.000	4.680.000	
115	Trần Kông Thắng	Mỹ Thạnh	1	142	40.000	5.680.000	
116	Ngô Văn Lào	Lộc An	17	817	40.000	32.680.000	
117	Nguyễn Thị Một	Việt An	4	549	40.000	21.960.000	
118	Huỳnh Thị Nhạn	Phú Cốc	2	235	40.000	9.400.000	
119	Nguyễn Thị Liên	Ngọc Chánh	8	483	40.000	19.320.000	
120	Ngô Cam	Ngọc Chánh	1	162	40.000	6.480.000	
121	Huỳnh Thị Hương	An Tráng	29	1.703	40.000	68.120.000	
122	Huỳnh Sơn	Phú Cốc	23	1.064	40.000	42.560.000	
123	Nguyễn Đình Tiến	Việt An	7	192	40.000	7.680.000	
124	Trần Mùi	Hội Tường	3	510	40.000	20.400.000	
125	Tô Văn Hiến	An Tráng	12	282	40.000	11.280.000	
126	Nguyễn Thị Quý	An Sơn	1	109	40.000	4.360.000	
127	Trương Văn Nhân	Ngọc Chánh	2	243	40.000	9.720.000	
128	Trương Văn Đào	Ngọc Chánh	1	143	40.000	5.720.000	
129	Huỳnh Đào	Hội Tường	1	102	40.000	4.080.000	
130	Lê Văn Xuân	Lộc An	1	154	40.000	6.160.000	
131	Ngô Cam	Ngọc Chánh	1	173	40.000	6.920.000	
132	Lê Văn Tây	Phú Mỹ	8	105	40.000	4.200.000	
133	Tạ Đình Có	Phú Mỹ	2	86	40.000	3.440.000	
134	Đoàn Nhi	Phú Cốc	7	137	40.000	5.480.000	
135	Đoàn Nhi	Phú Cốc	6	46	40.000	1.840.000	

136	Đặng Ba	Phú Cốc	1	152	40.000	6.080.000	
137	Huỳnh Quang Nhung	An Tráng	16	982	40.000	39.280.000	
138	Trần Ngọc Đầu	Lộc An	1	97	40.000	3.880.000	
139	Trần Ngọc Diệu	Lộc An	25	1.283	40.000	51.320.000	
140	Trần Văn Nhận	An Sơn	2	316	40.000	12.640.000	
141	Huỳnh Đồ	Hội Tường	1	119	40.000	4.760.000	
142	Đặng Ba	Phú Cốc	18	195	40.000	7.800.000	
143	Nguyễn Viết Hồng	Bình Sơn	40	2.679	40.000	107.160.000	
144	Huỳnh Văn Hòa	Việt An	20	316	40.000	12.640.000	
145	Phạm Thị Hiền	Mỹ Thạnh	13	1.108	40.000	44.320.000	
146	Phạm Thị Hiền	Mỹ Thạnh	2	203	40.000	8.120.000	
147	Nguyễn Mậu Quế	Phú Cốc	1	92	40.000	3.680.000	
148	Trương Văn Đào	Ngọc Chánh	2	103	40.000	4.120.000	
149	Trương Văn Đào	Ngọc Chánh	3	159	40.000	6.360.000	
150	Nguyễn Thị Quý	An Sơn	17	673	40.000	26.920.000	
151	Phạm Thị Hiền	Mỹ Thạnh	7	463	40.000	18.520.000	
	TỔNG CỘNG		1304	74.775,20		2.989.838.000	

ĐÀ